

## Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt tự động hoàn toàn  
(Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-FD105X3 NA-FD115X3**  
**NA-FD125X3 NA-FD135X3**  
**NA-FD290CE**



### Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Tên các bộ phận / Phụ kiện	6
Trước khi giặt	7
Bảng vận hành	8
Giặt	9
Các chế độ khác nhau	10
Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy	12
Các tùy chọn giặt	14
<ul style="list-style-type: none"><li>Hẹn Giờ</li><li>Giặt / Xả / Vắt</li><li>Giặt Nhẹ</li><li>Chân Mềm</li><li>Stain Master</li><li>Sấy Gió 90'</li></ul>	
Các chức năng tiện dụng	18
Nội dung các chế độ giặt	19
Bảo dưỡng	20
Lắp đặt	24
U13 và các cảnh báo khác	28
Xử lý sự cố	30
Thông số kỹ thuật	32

### Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.

AWW9901CCMC2-0C0

A0623-2044(V)

In tại Việt Nam

04-2024

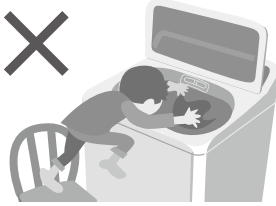


# Lưu ý về an toàn

## ⚠ CẢNH BÁO

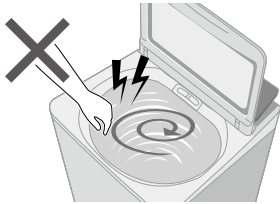
Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

**Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.**

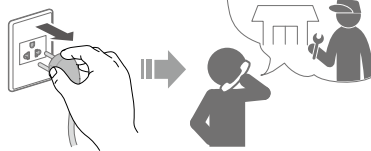


- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, để phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

**Không chạm vào lồng giặt cho đến khi lồng giặt dừng quay.**



- Nếu lồng giặt không dừng quay trong vòng 15 giây:

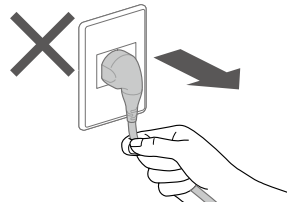


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.

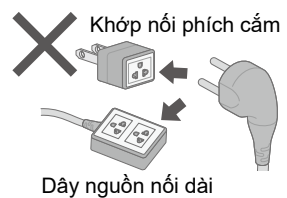
**Không chạm khi tay ướt.**



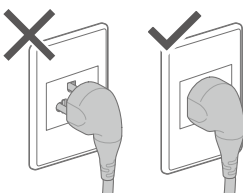
**Không cầm hoặc kéo dây nguồn.**



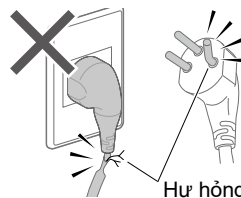
**Không sử dụng.**



**Cắm chặt.**

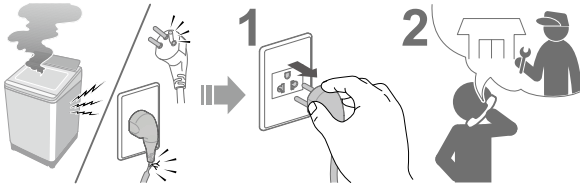


**Không sử dụng.**

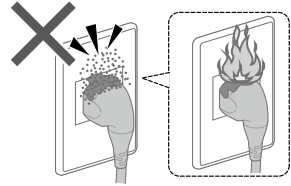


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hồng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

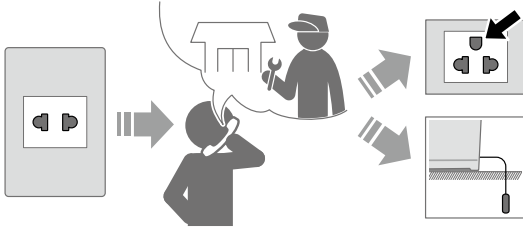
**Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngưng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.**



**Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.**



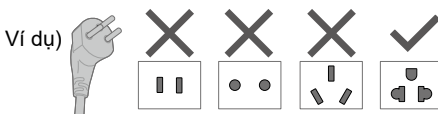
**Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.**



**Vệ sinh phích cắm định kỳ.**



**Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.**



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

**Đề các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.**



## **Có thể gây hỏng hóc.**

**Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.**

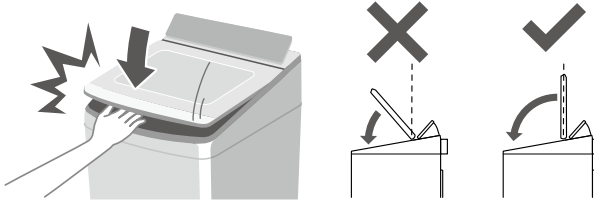


# Lưu ý về an toàn (tiếp)

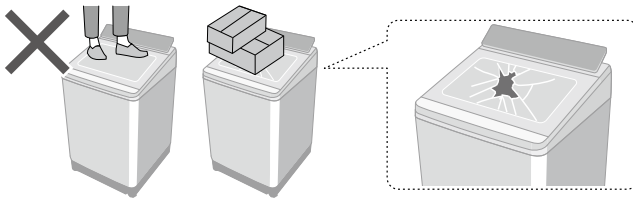
## ⚠ CẦN THẬN

Có thể gây thương tích.

Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đậy.

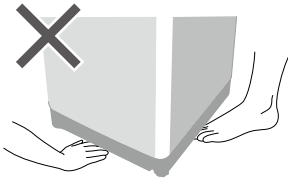


Không treo hoặc đặt các vật nặng lên trên máy giặt.



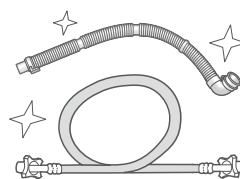
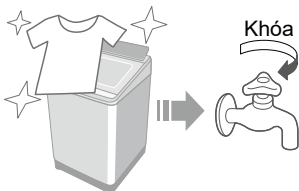
- Nếu nắp bị hỏng, ngừng sử dụng máy giặt ngay lập tức.

Không luôn tay hoặc chân xuống dưới gầm máy.



Có thể gây rò rỉ nước.

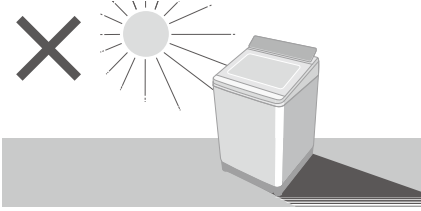
Khóa vòi nước sau khi giặt xong. Sử dụng bộ ống nước mới.



- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

## Có thể gây hỏng hóc.

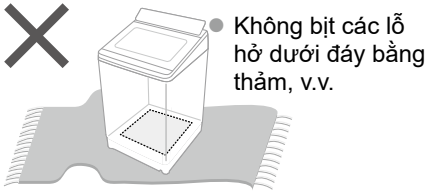
**Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.**



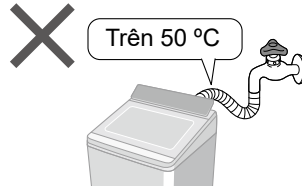
**Không giặt các đồ vật có tính chống thấm nước.**



**Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.**



**Không kết nối với nguồn nước nóng.**



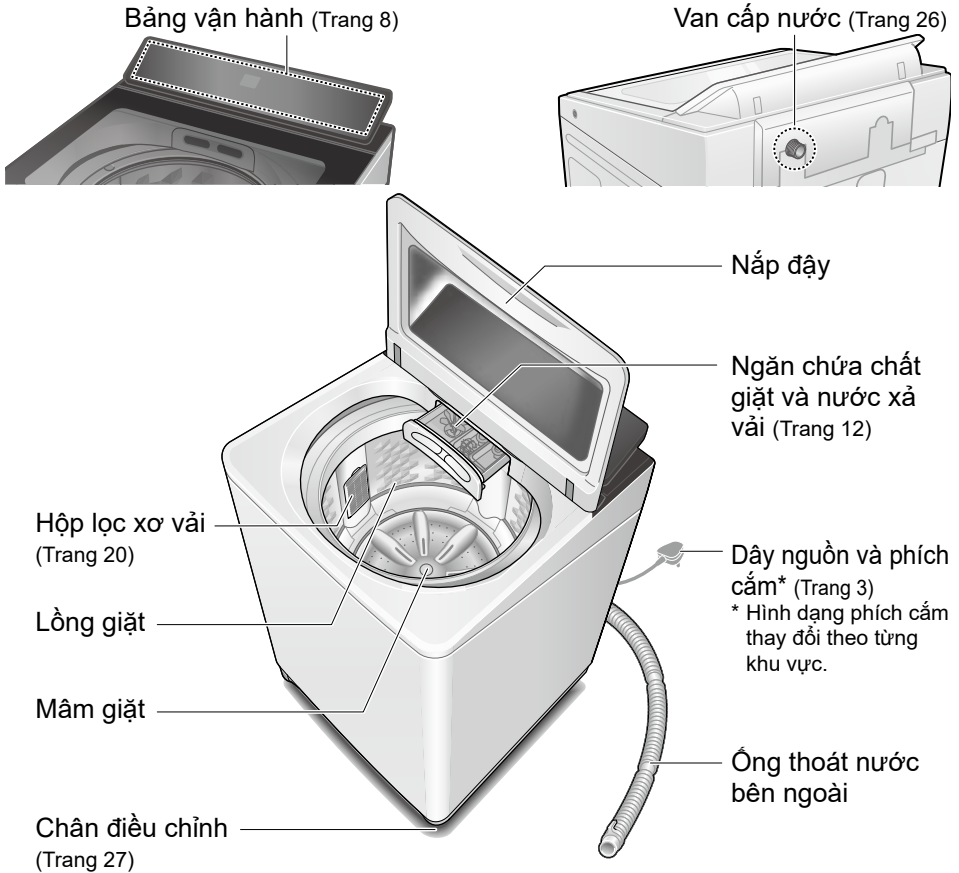
**Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.**



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

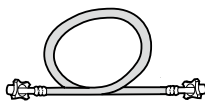
# Tên các bộ phận / Phụ kiện

## Tên các bộ phận



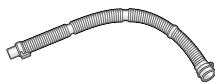
## Phụ kiện

Ống cấp nước (1)  
(Trang 26)

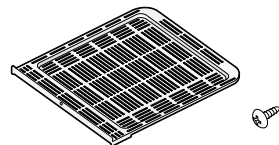


Chiều dài: 1,0 m

Ống thoát nước bên ngoài (1)  
(Trang 25)



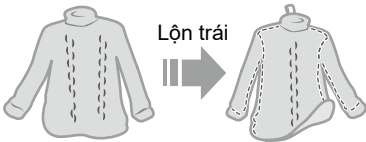
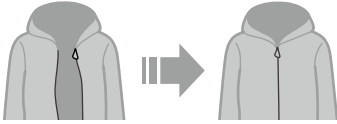
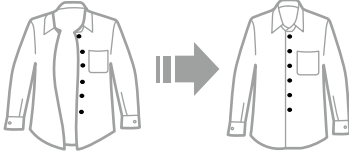
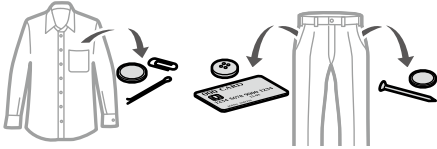
Tấm bọc đáy (1) / Vít (1)  
(Trang 25)



# Trước khi giặt

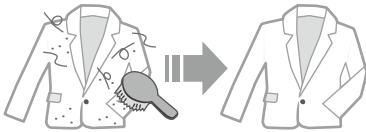
## Chuẩn bị đồ giặt và kiểm tra

### Kiểm tra trước khi giặt



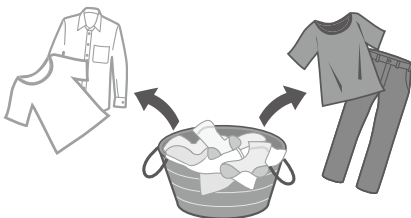
Lộn trái

Quần áo dễ bị xước

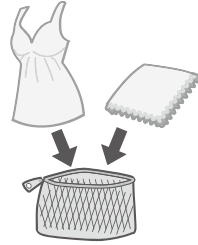


Tã giấy

### Giặt riêng



### Sử dụng túi giặt cho đồ mỏng

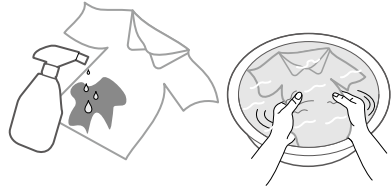


Quá nhiều



### Đối với chế độ "Stain Master" (Trang 16)

- Tiền xử lý với các vết bẩn cứng đầu



- Tuân theo các nhãn chăm sóc quần áo.



# Bảng vận hành

## Thay đổi cài đặt quá trình giặt (Trang 14)



Nhấp nhảy (đang trong quá trình)

## Mức nước



79 L

▼ Khoảng 5 giây

## Thời gian còn lại



Time Left  
60 min

## Lượng chất giặt tẩy

Mức nước (L)		Lượng chất giặt tẩy *2
79 *1	70 65	
60	55 50	
45	40 35	
	25	

\*1 NA-FD290CE+NA-FD135X3: 79 L  
NA-FD125X3: 77 L  
NA-FD115X3: 75 L  
NA-FD105X3: 73 L

\*2 : 1 muỗng chất giặt

Xả tràn (Trang 19)

Đèn Khóa An Toàn (Trang 18)



Tự động vệ sinh lồng giặt (Trang 18)

Gỡ Rối Tự Động (Trang 14)

Sấy Gió 90' (Trang 17)

Khởi Động/ Dừng

Chọn chương trình (Trang 10)

Stain Master (Trang 16)

Nguồn Bật/Tắt

Khóa An Toàn (Trang 18)

## LƯU Ý

- Trong trường hợp mất điện.
  - ⇒ Máy sẽ khôi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại.
- Nếu bạn không ấn **Khởi Động/ Dừng** trong vòng 10 phút sau khi bật nguồn.
  - ⇒ Tự động ngắt điện.
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chế độ “Stain Master” và “Giặt Ngâm”.

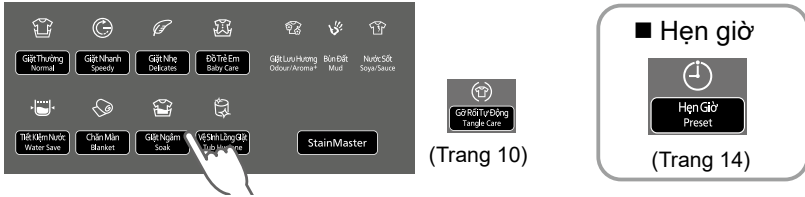


# Giặt

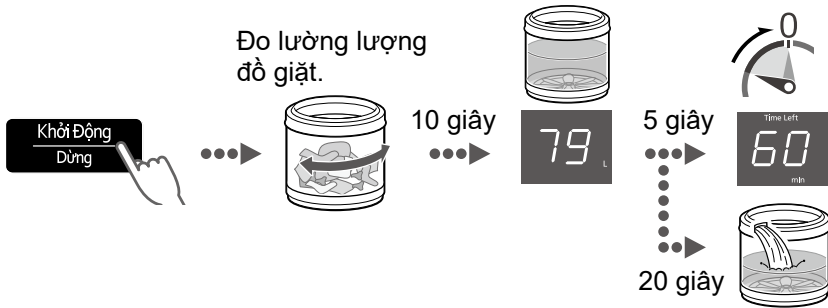
1



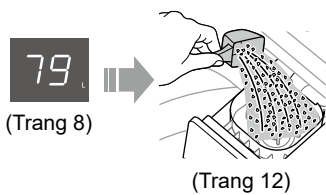
2



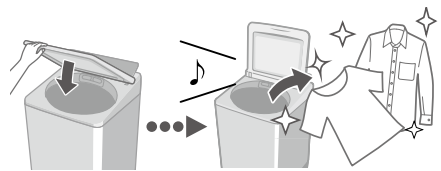
3



4

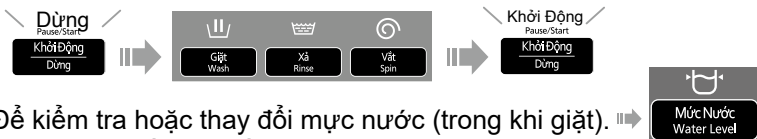


5











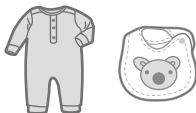



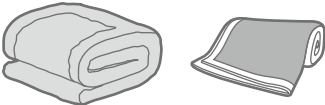
## ■ Sau khi ấn “KHỞI ĐỘNG”
















- Để thay đổi từng quá trình (trong khi giặt).



- Để kiểm tra hoặc thay đổi mực nước (trong khi giặt).
- Bạn không thể thay đổi chương trình giặt.

# Các chế độ khác nhau

	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)	
Giặt	 <b>Giặt Thường</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quần áo thường ngày</li> </ul> 	(NA-FD290CE) 14,5 (NA-FD135X3) 13,5 (NA-FD125X3) 12,5 (NA-FD115X3) 11,5 (NA-FD105X3) 10,5	
	 <b>Gỡ Rối Tự Động</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chống xoắn rối</li> <li>Giặt nhẹ nhàng hơn chế độ “Giặt Thường” để giảm xoắn rối.</li> <li>Bước gỡ rối sau quá trình vắt chỉ có ở khối lượng giặt 6 kg trở xuống.</li> </ul>		
	 <b>Giặt Nhanh</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Với quần áo ít bẩn</li> </ul> 		
	 <b>Giặt Ngâm</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quần áo bẩn nhiều</li> <li>Ngâm trước để giặt</li> </ul> 		
	 <b>Đồ Trẻ Em</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quần áo dành cho trẻ nhỏ &amp; người có làn da nhạy cảm</li> <li>Xả kỹ</li> </ul> 		
	 <b>Tiết Kiệm Nước</b> (Trang 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm nước</li> </ul> 		
	 <b>Chăn Màn</b> (Trang 15)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chăn màn</li> </ul>  <p>Được gắn nhãn có thể giặt máy</p>		4,2

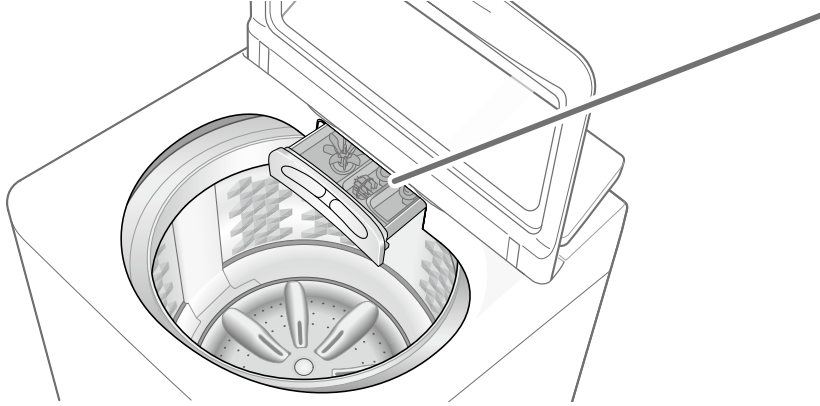
	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	 <b>Giặt Nhẹ</b> (Trang 15)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Giặt nhẹ nhàng</li> </ul>  	4,2
	<b>StainMaster</b> (Trang 16)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Với các vết bẩn dưới đây</li> </ul>	6,0
	Bản ít   <b>Giặt Lưu Hương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Sử dụng thêm nước xả để giữ mùi hương lâu hơn</li> </ul>	
	  <b>Bùn Đất</b>		
 <b>Nước Sốt</b> Bản nhiều		5,0	
Sấy	 <b>Sấy Gió 90'</b> (Trang 17, 23)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Sấy khô quần áo làm bằng sợi tổng hợp</li> </ul> 	2,0
Bảo dưỡng		<ul style="list-style-type: none"> <li>● Sấy khô lồng giặt</li> </ul> 	—
	 <b>Vệ Sinh Lồng Giặt</b> (Trang 23)	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Vệ sinh lồng giặt</li> </ul> Loại bỏ mốc đen và mùi khó chịu	 —

### LƯU Ý

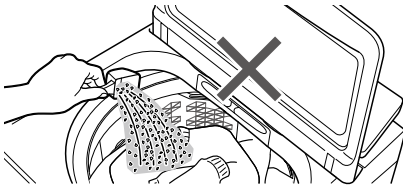
- Chế độ “Giặt Thường” và chế độ “Tiết Kiệm Nước” được khuyến nghị cho đồ giặt bẩn thông thường ở khối lượng giặt định mức của máy.

# Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy

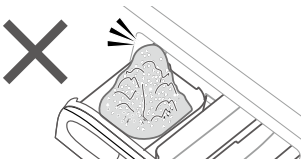
- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.
- Để vệ sinh ngăn chứa (Trang 21)
- Đóng ngăn chứa cẩn thận trước khi sử dụng.



## Chất giặt



- Không đổ chất giặt trực tiếp vào lồng giặt.
- Mức độ tạo bọt tùy thuộc vào khối lượng đồ giặt, mức độ bẩn, loại chất giặt, và độ cứng của nước.

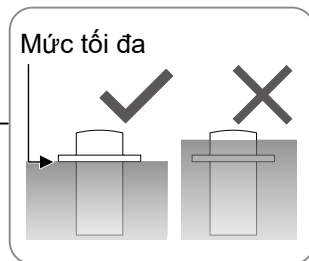
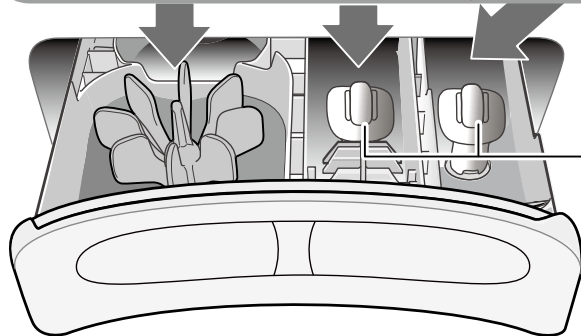


## Chất tẩy

Chất tẩy trắng  
(chất tẩy Clo)

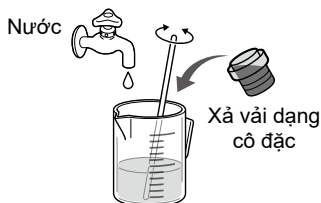
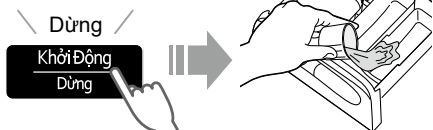


- Để sử dụng chất tẩy, cho chất tẩy vào ngăn chứa bột giặt (nếu chất tẩy dạng bột) hoặc ngăn chứa nước giặt (nếu chất tẩy dạng lỏng).



## Nước xả vải

- Để cho nước xả vải vào khi máy đang hoạt động:



Không sử dụng nước xả vải đã tách lớp hoặc vón cục.

- Không thể sử dụng nước xả vải với chương trình "Tiết Kiệm Nước".

# Các tùy chọn giặt

## Hẹn Giờ

Cài đặt thời gian để kết thúc quá trình giặt.

1



2



▼ 2 phút

Tắt cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ

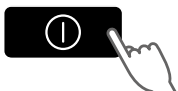


Giặt Thường Normal	2 - 24
Giặt Nhanh Speedy	1 - 24
Giặt Nhẹ Delicates	-
Đồ Trẻ Em Baby Care	2 - 24
Tiết Kiệm Nước Water Save	2 - 24
Chăn Màn Blanket	-
Giặt Ngâm Soak	3 - 24
StainMaster	2 - 24
Sấy Giỏ 90' Air Dry (90 min)	-
Vệ Sinh Lồng Giặt Tub Hygiene	-

- Để xác nhận sau khi cài đặt hẹn giờ



- Để hủy hoặc thay đổi

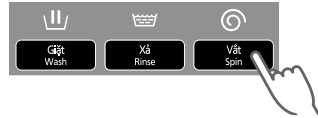


## Giặt / Xả / Vắt

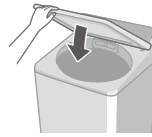
1



2



3



### LƯU Ý

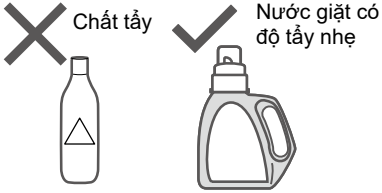
- Không khả dụng với chức năng “Gỡ Rối Tự Động”.



## Giặt Nhẹ

65 L	4,2 kg
55 L	3,0 kg

### LƯU Ý



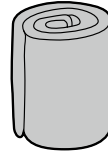
### ■ Sau khi máy giặt xong



## Chăn Màn

Mức nước cao nhất*	4,2 kg <ul style="list-style-type: none"><li>• 100 % sợi tổng hợp</li><li>• 100 % cotton</li></ul>
--------------------	--

\* NA-FD290CE-NA-FD135X3: 79 L /  
NA-FD125X3: 77 L / NA-FD115X3: 75 L /  
NA-FD105X3: 73 L



### LƯU Ý



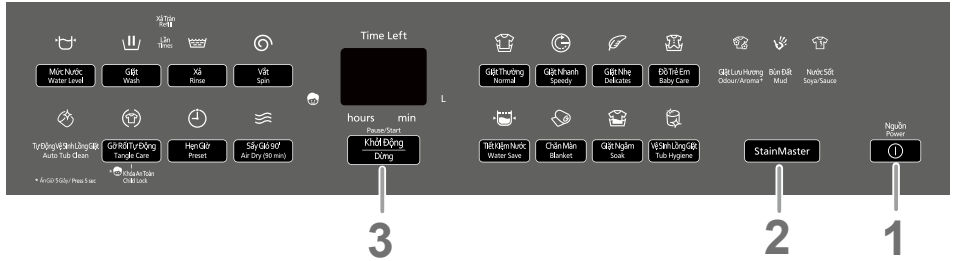
### LƯU Ý

- Chỉ báo lượng nước hiển thị lượng nước tối đa và không thể thay đổi.

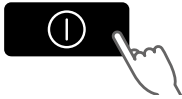
# Các tùy chọn giặt (tiếp)

## Stain Master

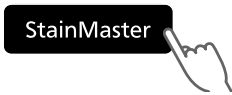
Chuẩn bị: (Trang 7)



1



2

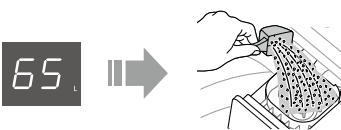


■ Hẹn Giờ (theo tiếng) (Trang 14)

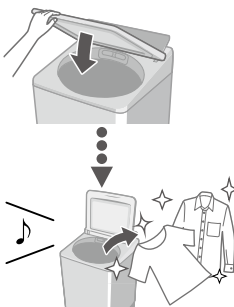
3



4

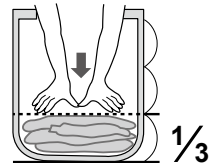


5



### LƯU Ý

- Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)



- Mức nước tối đa: 65 L
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chương trình này.



## Sấy Gió 90'

Luồng không khí tạo ra do xoay lồng giặt sẽ loại bỏ nước khỏi quần áo.

- Quần áo có thể sấy: Sọt tổng hợp (Khối lượng tối đa: 2,0 kg)



### LƯU Ý

- Quần áo có thể không được đủ khô (tùy thuộc vào lượng đồ giặt, loại quần áo và nhiệt độ).
- Vì chức năng này không sử dụng bộ tăng nhiệt nên người dùng có thể thấy đồ giặt bị lạnh và không khô hẳn.

# Các chức năng tiện dụng

## Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Để tránh mốc đen, khả dụng với tất cả các chương trình giặt ngoại trừ “Tiết Kiệm Nước” và “Sấy Gió 90”.

### ■ Chỉ báo bằng đèn



Đang hoạt động



Chức năng khả dụng



Chức năng không khả dụng

### ■ Để Bật / Tắt

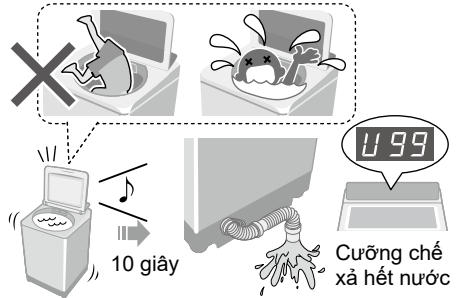
- 1
- 2
- 3 Bấm giữ 3 giây
- 4 để chọn ↔   
 Tắt Bật
- 5

## Tắt còi báo giặt xong

- 1 &   
 Giữ 3 giây   
 x2

■ Để cài đặt lại: x4

## Cài đặt chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ





\* Chức năng này không khóa nắp và các nút bấm vận hành.

- 1
- 2   
 Giữ 5 giây   
 x2
- Để hủy: hãy làm tương tự x4

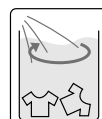
# Nội dung các chế độ giặt

Chế độ		Tổng thời gian* <sup>1</sup> (phút)	Giặt (phút)	Xả (lần)	Vắt (phút)
	<b>Giặt Thường</b>	60	9	2	7
	<b>Gỡ Rối Tự Động</b>	70	13	2	7
	<b>Giặt Nhanh</b>	45	3	2	5
	<b>Giặt Nhẹ</b>	50	9	2	1
	<b>Đồ Trẻ Em</b>	70	9	2	7
	<b>Tiết Kiệm Nước</b>	85	12	4	5
	<b>Chăn Màn</b>	70	12	2	5
	<b>Giặt Ngâm</b>	125 * <sup>2</sup>	71 (Ngâm 59 phút)	2	7
<b>Stain Master</b>	<b>Giặt Lưu Hương</b>	80	13	2	7
	<b>Bùn Đất</b>	90	40	2	7
	<b>Nước Sốt</b>	115 * <sup>2</sup>	62 (Ngâm 29 phút)	2	7
	<b>Vệ Sinh Lồng Giặt</b>	150 * <sup>2</sup>	65 (Ngâm 62 phút)	2	30

\*1 Tổng thời gian chỉ là tương đối (Khi tốc độ cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút và nhiệt độ nước là 28 °C).

\*2 Thời gian còn lại (tối đa 99 phút) sẽ được hiển thị.  → 

- “Xả tràn” nghĩa là cấp nước vào lồng giặt tới mực nước thiết lập, sau đó đồng thời vừa thực hiện quá trình xả vải vừa cấp nước vào lồng giặt.

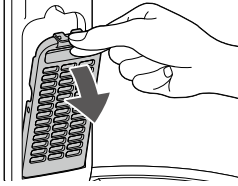


# Bảo dưỡng

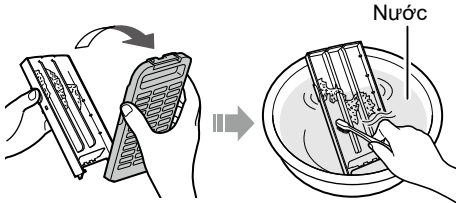
## Hộp lọc xơ vải

Sau mỗi lần hoạt động

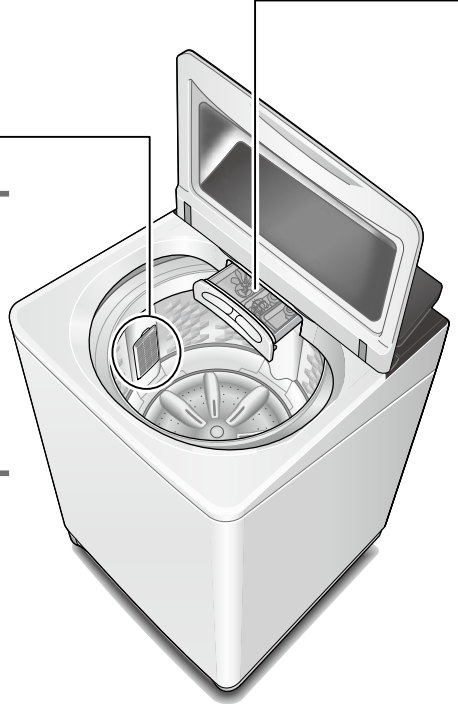
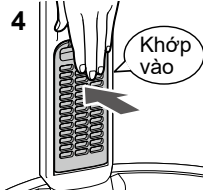
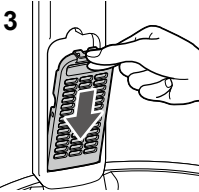
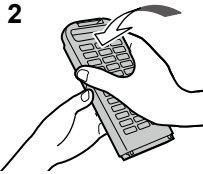
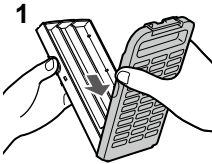
1



2



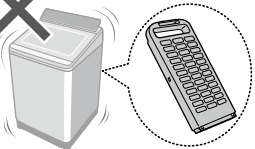
3



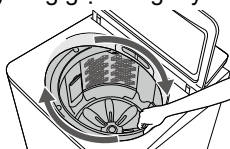
### LƯU Ý



Không gắn hộp lọc

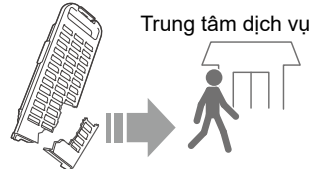


Nếu khó tháo hộp lọc, hãy xoay lồng giặt bằng tay



Nếu hộp lọc bị vỡ

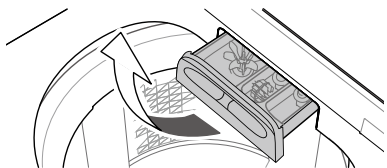
Trung tâm dịch vụ



## Ngăn chứa chất giặt và nước xả vải

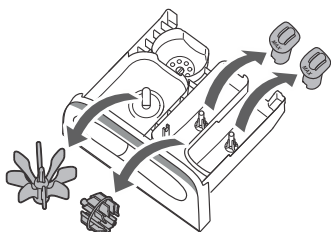
Nếu bị ố màu do chất giặt hoặc nước xả vải bám vào

1

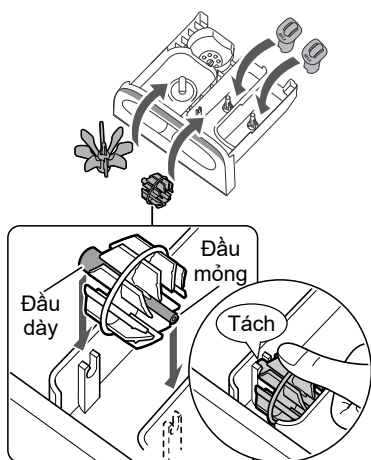


Tháo ngăn

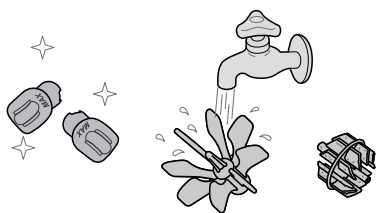
2



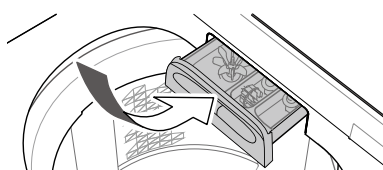
4



3



5



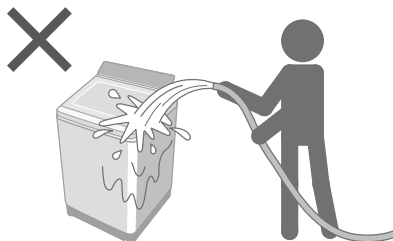
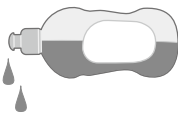
Gắn lại

## Thân máy, nắp



Với vết bẩn nhiều

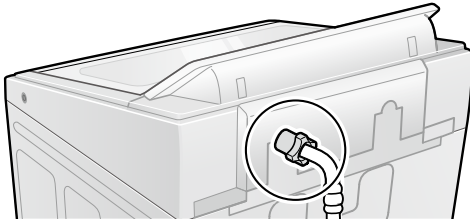
Chất tẩy rửa nhà bếp trung tính



# Bảo dưỡng (tiếp)

## Lưới lọc cấp nước

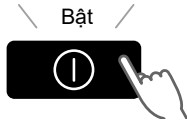
### Nếu nước không chảy đều



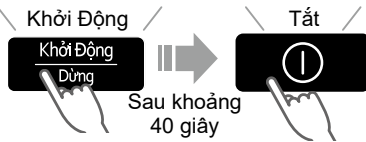
1



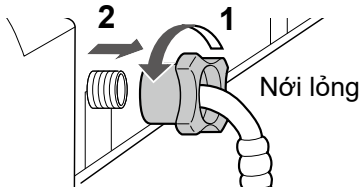
2



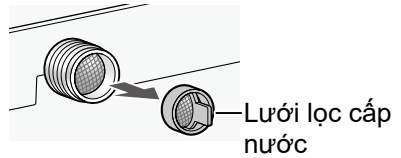
3



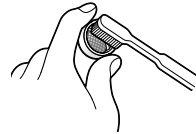
4



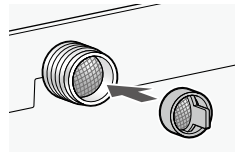
5



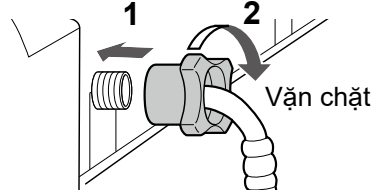
6



7

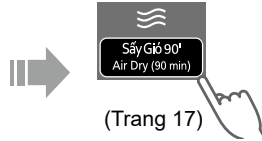
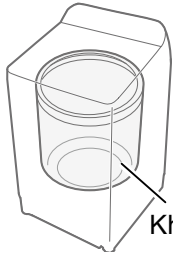


8



# Lồng giặt

Mỗi tuần một lần <Sấy Gió 90'>

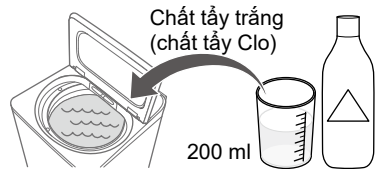


Mỗi tháng một lần <Vệ Sinh Lồng Giặt>

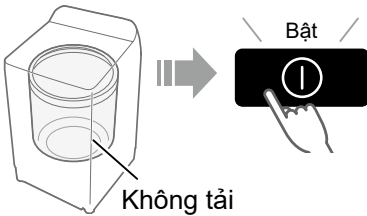
1



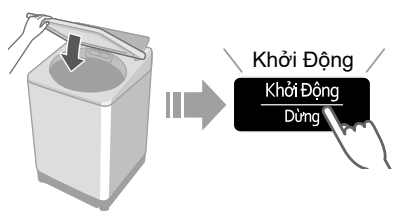
5



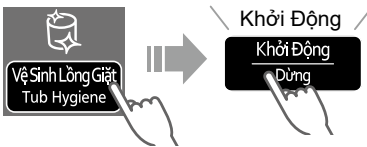
2



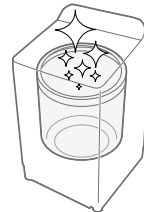
6



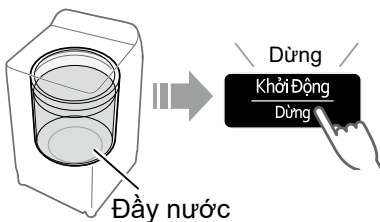
3



Sau khoảng 2,5 giờ

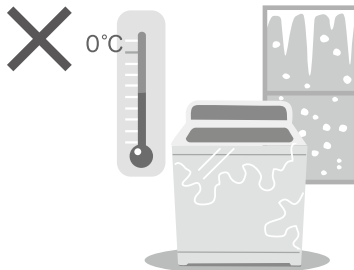
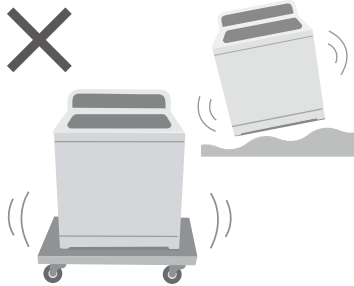
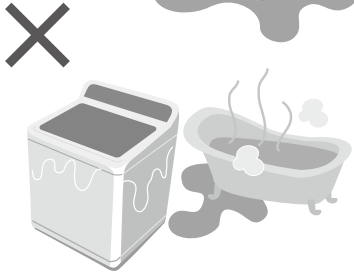
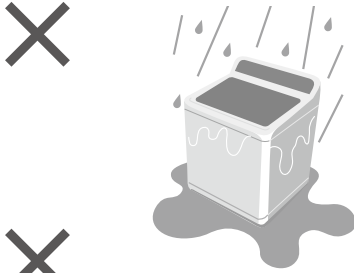


4



# Lắp đặt

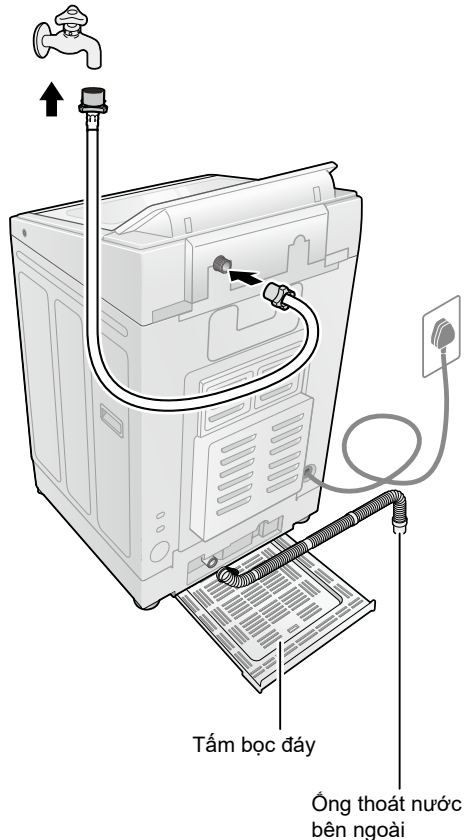
## Kiểm tra vị trí.



## Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

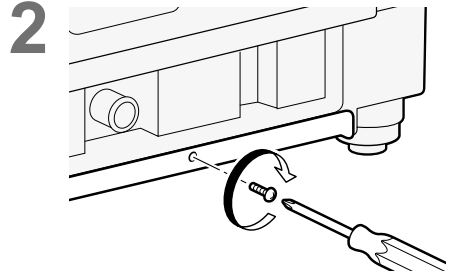
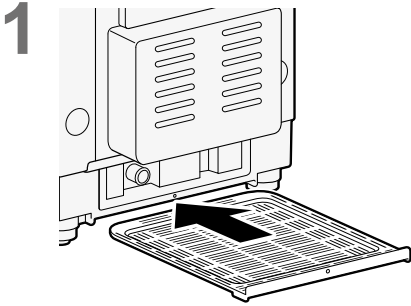


- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

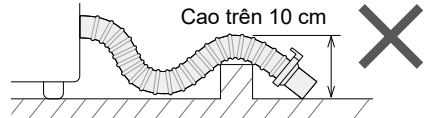
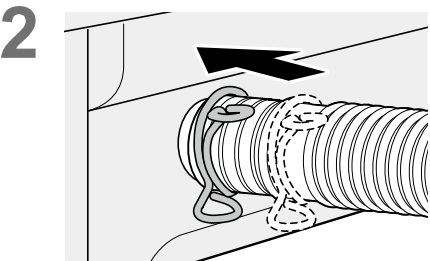
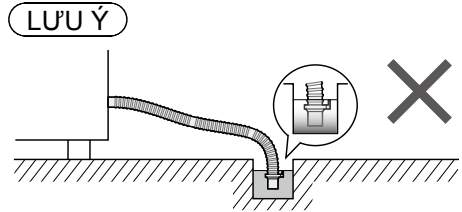
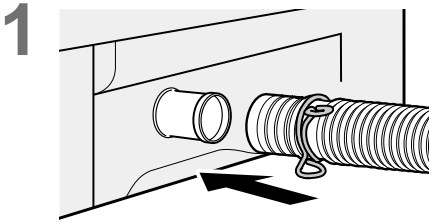




## Lắp tấm bọc đáy

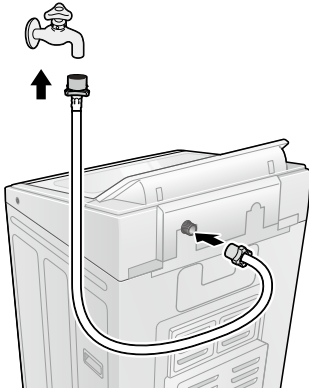


## Gắn ống thoát nước bên ngoài



# Lắp đặt (tiếp)

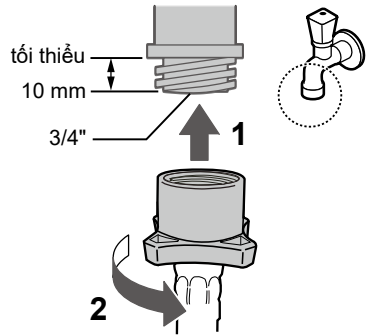
## Nối ống cấp nước



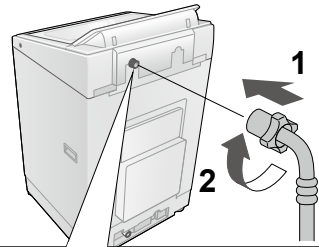
### CẢNH THẬN

- Vận chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

1

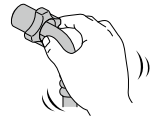


2

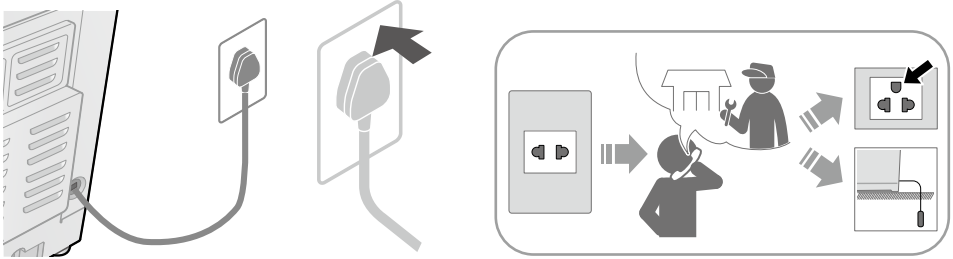


3

Kiểm tra xem ống khuỷu có bị lỏng không.



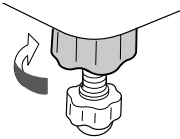
## Nối phích cắm và nối đất



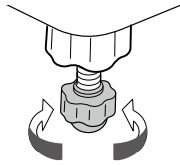
## Kiểm tra tình trạng cân bằng của máy giặt

### ■ Nếu máy không cân bằng

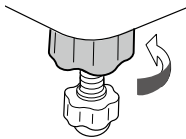
Nới lỏng



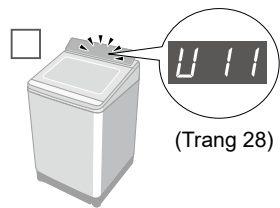
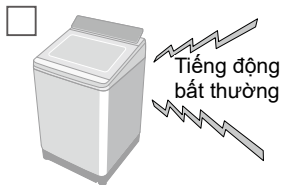
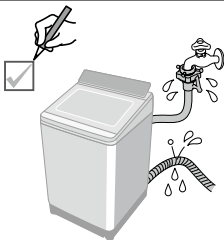
Điều chỉnh



Vặn chặt

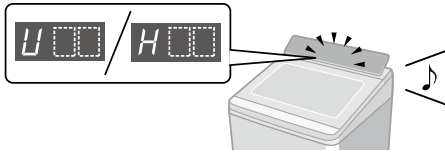


## Vận hành thử



(Trang 28)

# U13 và các cảnh báo khác



■ **Chuẩn bị**  
 Hủy bỏ chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ (Trang 18) nếu đã cài đặt.

Cảnh báo	Các điểm cần kiểm tra
----------	-----------------------

**U 11**  
 Không thể xả nước.

**1** Kiểm tra

**2**

**U 12**  
 Nắp đang mở.

**1**

**U 13**  
 Quá trình vắt hoặc chế độ “Sấy Gió 90°” không thể sử dụng được.

**Mất cân bằng**

**1** Sắp xếp lại cân bằng

**2**

**Vị trí đặt máy bị dốc hoặc không vững chắc**

**1** Vị trí vững chắc

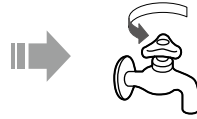
**2**

Cảnh báo

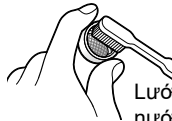
Các điểm cần kiểm tra

U 14

Nước không thể cấp.

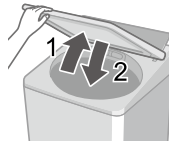


1



Lưới lọc cấp nước (Trang 22)

2

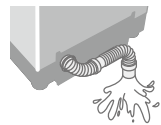


Khi thiết lập chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ



10 giây

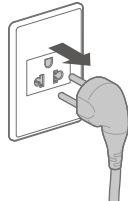
Cường chế xả hết nước



U 99

Máy buộc phải xả hết nước ra.

1



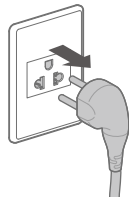
5 giây



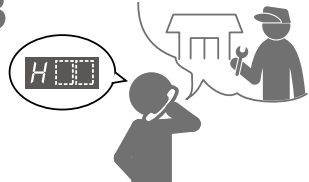
1



2










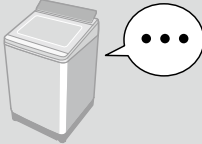
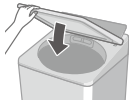










3












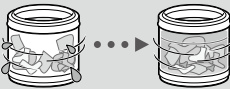

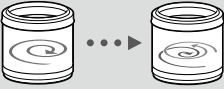
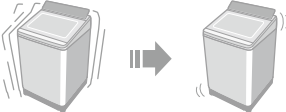


H 00









Yêu cầu kiểm tra.

# Xử lý sự cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	<b>Thời gian hiển thị tăng lên hoặc không đổi.</b> 	Thời gian hiển thị chỉ mang giá trị tương đối. Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành. 
	<b>Thời gian vận hành dài hơn thời gian hiển thị.</b> 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid gray; padding: 5px; width: 30%;"> <p>Khi quần áo bị mất cân bằng.</p>  </div> <div style="border: 1px solid gray; padding: 5px; width: 30%;"> <p>Khi xả nước không tốt.</p>  </div> <div style="border: 1px solid gray; padding: 5px; width: 30%;"> <p>Khi cấp nước không tốt.</p>  </div> </div> <p style="text-align: center;">⇒ Thời gian vận hành có thể dài hơn.</p>
	<b>Vận hành dài hơn thời gian hẹn giờ.</b> 	
Thân máy	<b>Không hoạt động</b> 	
		<input type="checkbox"/> Hãy thử <ul style="list-style-type: none"> <li>● Đóng nắp. </li> <li>● Mở nước. </li> <li>● Cắm chặt dây nguồn. </li> <li>● Ấn "Khởi Động". </li> <li>● Đóng át tờ mát. </li> </ul>
	<b>Không thể thay đổi cài đặt các quá trình (sau khi khởi động).</b> 	<input type="checkbox"/> Hãy thử <ul style="list-style-type: none"> <li>● Trong quá trình giặt                             <ol style="list-style-type: none"> <li>1 Dừng </li> <li>2 </li> <li>3 Khởi Động </li> </ol> </li> <li>● Sau quá trình giặt                             <ol style="list-style-type: none"> <li>1 Tắt </li> <li>2 Bật </li> </ol> </li> </ul>

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Giặt	<b>Nước được cấp thêm trong khi giặt.</b> 	Khi mực nước xuống thấp.  Khi lượng đồ giặt lớn. 
	<b>Mực nước quá cao so với lượng đồ giặt</b> 	Khi đồ giặt bị ướt.  Có nước trong lồng giặt trước khi vận hành. 
	<b>quá thấp so với lượng đồ giặt</b> 	Đối với quần áo nhẹ (sợi tổng hợp, v.v.). 
Xả	<b>Máy đã bắt đầu quá trình xả, nhưng nước không được cấp.</b> 	Khi không có nước trong lồng giặt.  ⇒ Nước sẽ được cấp sau quá trình vắt.
		Khi có nước trong lồng giặt.  ⇒ Nước sẽ được cấp sau khi xả và vắt.
Vắt	<b>Máy đột ngột chuyển sang quá trình xả khi đang vắt.</b>	Nếu quần áo bị mất cân bằng, máy giặt tự động chuyển sang quá trình xả để sắp xếp lại quần áo cho cân bằng.
	<b>Bắt đầu quá trình xả thay vì vắt.</b> 	
	<b>Xoay không đều khi vắt.</b> 	Tốc độ xoay của lồng giặt được điều chỉnh để giảm rung động. 

# Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Các sự cố khác	<b>Mất điện / Nhảy át tô mát.</b>  Ngắt	Máy giặt sẽ tiếp tục hoạt động từ điểm dừng lúc trước khi có điện trở lại.  Đóng  
	<b>StainMaster không hiệu quả.</b> 	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 30%;"> <input type="checkbox"/> <b>Kiểm tra</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)</li> </ul>  </div> <div style="width: 30%;"> <input type="checkbox"/> <b>Hãy thử</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Tiền xử lý (Trang 7)</li> <li>● Lựa chọn theo loại vết bẩn. (Trang 11)</li> </ul>   </div> </div>

## Thông số kỹ thuật

Số model	NA-FD290CE	NA-FD135X3	NA-FD125X3	NA-FD115X3	NA-FD105X3
Điện áp định mức	220 - 240 V				
Tần số định mức	50 Hz				
Công suất tiêu thụ định mức	480 W				
Lượng nước tiêu chuẩn	79 L		77 L	75 L	73 L
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô)	14,5 kg	13,5 kg	12,5 kg	11,5 kg	10,5 kg
Kích thước sản phẩm	639 mm (Rộng) x 725 mm (Dài) x 1085 mm (Cao)			639 mm (Rộng) x 725 mm (Dài) x 1065 mm (Cao)	
Trọng lượng sản phẩm	39 kg				
Áp suất nước máy	0,01 - 1 MPa				

\* Hoạt động của máy giặt vẫn được đảm bảo trong điều kiện điện áp dao động từ 195 V tới 245 V, nhưng không đảm bảo về kết quả giặt.

Panasonic Corporation

<https://www.panasonic.com>

© Panasonic Appliances (Vietnam) Co., Ltd. 2023